

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
TT, TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2023

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Mai**

2. Ông **Nguyễn Văn Miến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải**- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông **Lưu Mạnh Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST - HNG§ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Lan A**, sinh năm 1997; có mặt.

Nơi ĐKTT: Thôn 84, xã KQ, huyện TT, TP Hà Nội.

Địa chỉ: Thôn 5, xã HB, huyện TT, TP Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Tuấn T**, sinh năm 1992; có mặt.

Địa chỉ: Thôn 84, xã KQ, huyện TT, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2022 cùng bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 10/4/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án của nguyên đơn là chị **Bùi Lan A trình bày:**

Chị và anh T kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HB, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và sinh hoạt hàng ngày thường xuyên bất hòa. Đỉnh điểm vào ngày 23/9/2022 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, ngày 09/12/2022 chị đã làm đơn xin ly hôn tại Tòa án. Tại buổi hòa giải ngày 21/12/2022, sau khi được giải thích động viên của Tòa án cũng như của 2 bên gia đình, vợ chồng lại về ở với nhau, nhưng chỉ được hơn 1 tháng thì lại xảy ra mâu thuẫn, không thống nhất quan điểm chung, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được chị lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 2/2023 đến nay. Chị đề nghị Tòa sớm giải quyết được ly hôn để ổn định cuộc sống không phải tiến hành hòa giải nữa.

Về con chung: Chị xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/10/2019, hiện tại đang ở với chị, chị đề nghị xin được tiếp tục nuôi cháu vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu không yêu cầu anh T cấp dưỡng, thu nhập hàng tháng của chị đã cung cấp bằng bảng lương cho Tòa và điều kiện ăn ở đã trình bày trong đơn.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị gì về tài sản, vì vợ chồng mới lấy nhau thời gian ngắn nên chưa mua sắm được tài sản gì lớn.

Tại các bản khai và biên bản hòa giải ngày 21/12/2022 của bị đơn là anh Nguyễn Tuấn T trình bày thì:

Anh và chị LA kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2019 tại UBND xã HB, huyện TT trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được gần bốn năm thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do chị LA đi chơi nhưng không thông báo rõ ràng cho anh khiến vợ chồng cãi nói nhau, đã qua hai lần hòa giải. Từ tháng 9/2022 vợ chồng về với nhau được 02 tháng nhưng không hàn gắn được. Chị LA làm đơn xin ly hôn với lý do vợ chồng khác biệt về quan điểm sống, anh vẫn còn tình cảm với chị. Nay chị LA xin ly hôn anh mong muốn chị LA suy nghĩ lại vì con chung để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm, về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Nếu phải ly hôn anh cũng đề nghị xin được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu chị LA cấp dưỡng, anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu trưởng thành và học tập tốt, điều kiện thu nhập hàng tháng anh đã cung cấp bằng bảng lương có xác nhận của Công ty và 03 sổ tiết kiệm của anh tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa chị LA và anh T giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân

huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục hòa giải đã được tiến hành đúng pháp luật; Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Lan A.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện TT đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Bùi Lan A. Bị đơn anh Nguyễn Tuấn T cư trú tại xã KQ, huyện TT, thành phố Hà Nội. Do vậy Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Lan A và anh Nguyễn Tuấn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HB vào ngày 09/01/2019. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị LA và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn và đã có 01 con chung, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Qua xác minh tại gia đình và địa phương nơi hai bên sinh sống cho thấy nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm về lối sống và sinh hoạt vợ chồng không tin tưởng nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình cùng Tòa án động viên hòa giải tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng chỉ được thời gian ngắn. Tháng 2/2023 chị LA lại bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị LA đã xác định tình cảm vợ chồng không còn kiên quyết xin ly hôn, anh T không muốn ly hôn nhưng không có phương pháp gì để níu kéo lại tình cảm với chị LA, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị LA và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét thấy cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

2.2. Về con chung: Vợ chồng xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/10/2019.

Cả hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con và đều cung cấp chứng minh có đủ các điều kiện để nuôi dưỡng. Chúng tôi cả hai bên đều thực hiện tốt về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái. Song xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con và hoàn cảnh thực tế của hai bên. Chị LA và anh T đều có điều kiện tương đương nhau. Tuy nhiên cháu Nguyễn Anh T còn nhỏ tuổi, hiện vẫn đang sống cùng mẹ. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý của cháu và không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt của cháu nên tiếp tục giao cháu Nguyễn Anh T cho chị LA trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị LA không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T trong thời gian chị LA không yêu cầu.

2.3. Về tài sản, công sức nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Bùi LA phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 243, 245, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Bùi LA

1.1. Về hôn nhân: Chị Bùi LA được ly hôn anh Nguyễn Tuấn T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/10/2019 cho chị LA trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Vì chị LA không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T trong thời gian chị LA không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

1.4. Về tài sản, công nợ: Không có.

2. Về án phí: Chị Bùi LA phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2020/0025814 ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bị đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- UBND xã HB;
- Những người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồng Thiết